



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN THỊ NGỌC TRÀ

**PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CHO VAY HỘ KINH
DOANH TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG
CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Mã số : 60.34.02.01

Đà Nẵng - Năm 2017

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. LÂM CHÍ DŨNG

Phản biện 1: TS. Đặng Tùng Lâm

Phản biện 2: TS. Lê Công Toàn

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày tháng năm 2017.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện, Trường đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tình hình nền kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn khó khăn như hiện nay, cùng với tình trạng các doanh nghiệp thua lỗ và phá sản hàng loạt, các Ngân hàng bị sát nhập, thu tóm, thì việc thắt chặt cho vay đã khiến cho nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn. Những bất ổn về kinh tế vĩ mô ấy đã gây ra không ít thách thức, khó khăn đối với việc kinh doanh. Khu vực này vốn đã khó tiếp cận với ngân hàng cùng với trở ngại về mặt lãi suất đang làm cho người kinh doanh sản xuất càng trở nên bị hạn chế. Bên cạnh đó, sự không nhất quán và thiếu ổn định trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chính sách điều chỉnh cung tiền, lãi suất và tỷ giá hối đoái cũng gây ra không ít trở ngại tới hoạt động kinh doanh, sản xuất. Việc đưa ra những chính sách phù hợp trong hoạt động phát triển cho vay hộ kinh doanh là việc quan trọng cần được chú ý hơn.

Nhận thức được vấn đề này, trong thời gian qua, hoạt động cho vay hộ kinh doanh đang từng bước phát triển. Với tính chất sử dụng nguồn vốn vay để phát triển kinh doanh cũng như sản xuất thì việc cho vay này cũng là hoạt động ẩn chứa rủi ro nhưng đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho ngân hàng, đặc biệt là với một ngân hàng như Agribank. Hơn nữa, trong điều kiện phát triển hết sức nhộn nhịp như Đà Nẵng thì việc các hộ kinh doanh mạnh dạn đầu tư phát triển là một điều hết sức đáng nói, đó là động lực để tạo nên sự hấp dẫn cho Agribank. Cho nên, việc tập trung nghiên cứu thực trạng và từ đó phát triển công tác cho vay hộ kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Ngũ Hành Sơn tại Đà Nẵng là một vấn đề cấp thiết hơn bao giờ hết. Bên cạnh những thành công đã đạt được vẫn còn những bất cập, hạn chế cần tháo gỡ

và khắc phục .

Với những lí do trên tôi đã chọn đề tài ***“Phân tích tình hình cho vay hộ kinh doanh tại NH No & PTNT Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn”*** .

2. Mục tiêu nghiên cứu

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về cho vay Hộ kinh doanh của các Ngân hàng thương mại.

Phân tích, đánh giá tình hình cho vay HKD tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn .Qua đó rút ra ưu ,nhược điểm trong hoạt động cho vay Hộ kinh doanh tại đây .

Trên cơ sở đó, đề tài đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm đạt được mục tiêu trong hoạt động cho vay HKD tại NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ĐN chi nhánh Ngũ Hành Sơn đưa ra trong giai đoạn sắp tới .

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu về cho vay HKD của Agribank Ngũ Hành Sơn. Những vấn đề lý luận về cho vay HKD của NHTM và thực tiễn cho vay HKD tại đây.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu, đề tài tập trung nghiên cứu về đối tượng HKD vay vốn theo các sản phẩm cho vay hiện có tại NH và tiếp tục áp dụng trong thời gian tới.

- Về thực trạng, luận văn nghiên cứu giới hạn về thực tế hoạt động cho vay HKD tại Agribank Ngũ Hành Sơn trong thời gian từ năm 2014- 2016.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Đặc điểm cho vay HKD? Nội dung phân tích hoạt động cho

vay Hộ kinh doanh là gì?

Thực trạng hoạt động cho vay HKD tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn hiện nay như thế nào ? Kết quả, hạn chế trong quá trình cho vay HKD là gì ?

Ngân hàng phải đưa những giải pháp nào để đạt được mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn sắp tới của hoạt động cho vay HKD tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn ?

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng .

Ngoài ra để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu, hoàn thiện đề tài này còn vận dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác như thống kê, phân tích, tổng hợp để phân tích đánh giá tình hình hoạt động cho vay HKD tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Ngũ Hành Sơn.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Hệ thống hóa những vấn đề về cơ sở lý luận của hoạt động cho vay Hộ sản xuất kinh doanh .

Phân tích và đánh giá thực trạng của hoạt động cho vay HKD tại Agribank Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn. Đưa ra các biện pháp có khả năng vận dụng trong việc giúp Agribank Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn hoàn thiện hơn về chất lượng cũng như hiệu quả trong hoạt động cho vay HKD nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh với các NHTM khác .

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận ,nội dung luận văn bao gồm 3 chương :

Chương 1: Cơ sở lý luận về phân tích hoạt động cho vay hộ kinh doanh của Ngân hàng thương mại.

Chương 2: Phân tích tình hình cho vay Hộ kinh doanh tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Ngũ Hành Sơn

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động cho vay HKD tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Ngũ Hành Sơn.

8. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG CHO VAY HỘ KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. TỔNG QUAN TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm Tín dụng Ngân hàng

Tín dụng ngân hàng là mối quan hệ tín dụng giữa một bên là ngân hàng với một bên là các chủ thể khác trong nền kinh tế, trong đó ngân hàng đóng vai trò vừa là người đi vay vừa là người cho vay, hay nói cách khác, ngân hàng là một trung gian tài chính luân chuyển vốn từ nơi tạm thừa vốn sang nơi thiếu. Giá (lãi suất) của khoản vay do NH ấn định cho KH vay là mức lợi tức mà KH phải trả trong suốt khoản thời gian tồn tại của khoản vay.

1.1.2. Nguyên tắc Tín dụng Ngân hàng

- *Tiền cho vay phải được hoàn trả sau một thời gian nhất định cả vốn lẫn lãi.*
- *Vốn vay phải có giá trị tương đương làm đảm bảo*
- *Cho vay theo kế hoạch thoả thuận trước (vốn vay phải được*

sử dụng đúng mục đích)

1.1.3. Phân loại Tín dụng Ngân hàng

➤ *Căn cứ vào thời hạn, tín dụng ngân hàng có các loại sau.*

- + Tín dụng ngắn hạn .
- + Tín dụng trung hạn .
- + Tín dụng dài hạn .

➤ *Căn cứ vào tính chất luân chuyển vốn, TD ngân hàng có các loại sau:*

- + Tín dụng vốn lưu động .
- + Tín dụng vốn cố định .

➤ *Căn cứ vào tính chất đảm bảo, TD ngân hàng có các loại sau:*

- + Tín dụng bằng tín chấp.
- + Tín dụng có đảm bảo.

➤ *Căn cứ vào mối quan hệ giữa các chủ thể, TD NH có các loại sau:*

- + Tín dụng trực tiếp .
- + Tín dụng gián tiếp .

➤ *Căn cứ vào phương pháp cấp tiền vay, tín dụng ngân hàng có các loại sau:*

- + Tín dụng từng lần .
- + Tín dụng hạn mức.

➤ *Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn, tín dụng NH có các loại sau.*

- + Tín dụng sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- + Tín dụng tiêu dùng .

1.1.4. Vai trò của Tín dụng

a. Tín dụng là điều kiện đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục.

b. Tín dụng huy động, tập trung vốn thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

c. Tín dụng góp phần nâng cao mức sống của dân cư

d. Là công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước

1.1.5. Rủi ro tín dụng NHTM

a. Khái niệm

Là rủi ro do một khách hàng hay một nhóm KH vay vốn không trả được nợ cho NH. Trong kinh doanh Ngân hàng, rủi ro TD là loại RR lớn nhất, thường xuyên xảy ra và gây hậu quả nặng nề có khi dẫn đến phá sản .

b. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng.

➤ Nguyên nhân từ phía Ngân hàng.

➤ Nguyên nhân từ phía khách hàng.

➤ Nguyên nhân khác.

c. Tác động của RRTD

➤ Đối với bản thân Ngân hàng.

➤ Đối với nền kinh tế.

1.2. HOẠT ĐỘNG CHO VAY HỘ KINH DOANH CỦA NHTM

1.2.1. Khái niệm và vai trò của Hộ kinh doanh trong nền kinh tế

a. Khái niệm hộ kinh doanh

- HKD do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng không quá mười lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh .

1.2.2. Phân loại hộ kinh doanh

➤ Căn cứ vào các yếu tố tự nhiên

Có hai kiểu phân loại:

- Phân loại theo địa bàn cư trú của HKD: thành thị - nông thôn.

- Phân loại theo vùng kinh tế .

➤ *Căn cứ vào ngành nghề kinh doanh*

- Hộ nông nghiệp .
- Hộ lâm nghiệp.
- Hộ ngư nghiệp.
- Hộ diêm nghiệp .
- Hộ tiểu thủ công nghiệp .
- Hộ thương mại - dịch vụ .
- Hộ khác .

1.2.3. Đặc điểm và các hình thức cho vay HKD

a. Đặc điểm

- Thường có quy mô không lớn .
- Địa bàn HKD có độ phân tán rộng .
- Nguồn trả nợ được tổng hợp từ nhiều khoản, nguồn thu nhập khác nhau .

- TSBĐ của HKD không mang lại giá trị cao và khó phát mại .
- Thông tin về HKD phục vụ cho công tác thẩm định cho vay có giá trị không đáng kể .

b. Các hình thức cho vay HKD

- Cho vay ngắn hạn .
- Cho vay trung hạn .
- Cho vay dài hạn.

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay HKD của NHTM

a. Nhóm nhân tố thuộc về Ngân hàng

- *Chính sách và quy trình tín dụng của ngân hàng.*
- *Chính sách tín dụng của ngân hàng*

- Quy trình và thủ tục cho vay của ngân hàng
- Thông tin và trang thiết bị công nghệ:
- Trình độ đội ngũ cán bộ nhân viên ngân hàng.

b. Các nhân tố bên ngoài

- Nhu cầu vốn của khách hàng
- Khả năng đáp ứng các điều kiện khi vay của khách hàng
- Sự ảnh hưởng của thiên nhiên
- Các nhân tố thuộc về môi trường hoạt động của ngân hàng
 - Môi trường văn hoá – xã hội
 - Môi trường kinh tế
 - Môi trường luật pháp
 - Đối thủ cạnh tranh

1.3. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CHO VAY HỘ KINH DOANH CỦA NHTM

1.3.1. Mục tiêu phân tích

1.3.2. Nội dung, tiêu chí phân tích

a. Phân tích các đặc điểm về chính trị, kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến hoạt động cho vay hộ kinh doanh của NHTM

- Chính trị
- Kinh tế
- Xã hội

b. Phân tích công tác tổ chức, quản lý hoạt động cho vay hộ kinh doanh của NHTM.

c. Phân tích các hoạt động mà các NH có thể thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu trong cho vay HKD

- Hoạt động phát triển khách hàng, gia tăng dư nợ
- Hoạt động thực thi các chính sách cạnh tranh nhằm gia tăng thị phần
- Hoạt động nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ cho vay HKD .

d. Phân tích kết quả hoạt động cho vay HKD

➤ *Phân tích về tăng trưởng quy mô cho vay HKD thể hiện qua các chỉ tiêu:*

- *Phân tích về thị phần cho vay hộ kinh doanh*
- *Phân tích về cơ cấu cho vay hộ kinh doanh*

1.3.3. Phân tích về kết quả tài chính của hoạt động cho vay hộ kinh doanh

1.3.4. Phân tích chất lượng cung ứng dịch vụ cho vay hộ kinh doanh

- Đánh giá trong .
- Đánh giá ngoài .

1.3.5. Phân tích kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay HKD

➤ Tại các NHTM Việt Nam hiện nay mức độ đánh giá rủi ro của khoản vay được dựa trên việc phân loại nợ theo nhóm nợ. Theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Phân loại nợ thành 05 nhóm:

- Nhóm 1 – Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.
- Nhóm 2 – Nhóm nợ cần chú ý.
- Nhóm 3 – Nhóm nợ dưới tiêu chuẩn.
- Nhóm 4 – Nhóm nợ nghi ngờ.
- Nhóm 5 – Nhóm nợ có khả năng mất vốn.
- Cơ cấu nhóm nợ của tổng dư nợ cho vay hộ kinh doanh.
- Tỷ lệ nợ xấu cho vay hộ kinh doanh
- Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng cho vay hộ kinh doanh
- Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay

HKD.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2
PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CHO VAY HỘ KINH DOANH TẠI
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN

2.1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức

2.1.3. Tình hình hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn

a. Hoạt động huy động vốn

Bảng 2.1. Tình hình huy động vốn tại Agribank ĐN chi nhánh NHS

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	TG Không kỳ hạn	67.478	86.977	102.369
2	TG Có kỳ hạn	849.024	982.873	1.286.165
Trong đó	Dưới 12 tháng	755.275	777.507	1.010.797
	12 – 24 tháng	93.750	205.366	275.367
Tổng cộng		916.502	1.069.850	1.388.534

(Nguồn: Báo cáo kết quả HĐKD của Agribank Ngũ Hành Sơn từ 2014-2016)

Bảng 2.1 cho thấy nguồn vốn huy động qua 3 năm của chi nhánh tăng trưởng đáng kể, năm 2015 tổng nguồn vốn là 1.069.850 triệu đồng tăng so với năm 2014 là 153.348 triệu đồng, với tốc độ tăng trưởng là 14,3 %. Đến năm 2016 tổng nguồn vốn tại chi nhánh là 1.388.534 triệu đồng, năm 2015 là 1.069.850 triệu đồng tăng so với

năm 2015 là 318.684 triệu đồng với tốc độ tăng trưởng 22,95%.

b. Hoạt động cho vay

Bảng 2.2. Kết quả hoạt động TD của Agribank ĐN chi nhánh NHS

Đơn vị: Triệu đồng

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Năm 2016</i>
1	Tổng dư nợ TD cuối kỳ	289.131	351.175	481.775
2	Tỷ lệ nợ xấu	0,71%	0,51%	0,56%

(Nguồn: BC t/kết năm 2014, 2015, 2016 của Agribank ĐN chi nhánh NHS)

Hoạt động tín dụng tại chi nhánh trong 3 năm qua có tăng trưởng nhưng không đều, năm 2014 đạt 289.131 triệu đồng, năm 2015 là 351.175 triệu đồng tăng so với năm 2014 là 62.044 triệu đồng với tốc độ tăng trưởng 21,5 %. Nhưng đến năm 2016 tăng 130.600 triệu đồng so với năm 2015 với tốc độ tăng trưởng là 37,19 % .

Tỷ lệ nợ xấu của Agribank NHS được kiểm soát khá tốt.

➤ Cuối năm 2014, tỷ lệ nợ xấu của toàn NH tỷ lệ 0.71% tổng dư nợ.

➤ Cuối năm 2015 tỷ lệ nợ xấu của NH giảm xuống còn 0,51%.

➤ Cuối năm 2016 tỷ lệ nợ xấu của NH lại tăng lên 0,56 %.

c. Kết quả hoạt động kinh doanh tại Agribank Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn

Bảng 2.3. Kết quả TC của Agribank ĐN chi nhánh NHS

(2014- 2016)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1	Tổng thu nhập	105.591	77.565	93.585
2	Tổng chi phí	88.716	69.276	73.367
3	Lợi nhuận	16.875	14.289	20.218

(Nguồn: BC t/kết năm 2014, 2015, 2016 của Agribank ĐN chi nhánh NHS)

Chênh lệch thu chi qua các năm không đều . Cụ thể:

- Năm 2014 là 19,02%.
- Năm 2015 là 20,63%.
- Năm 2016 là 27,56%

Đặc biệt trong hoàn cảnh khó khăn của hệ thống ngành NH và bối cảnh chung của nền kinh tế trong những năm vừa qua còn gặp nhiều khó khăn. Do đó, tốc độ tăng trưởng của chênh lệch thu chi không đều. Năm 2015 chỉ tăng nhẹ hơn 1,5% so với năm 2014, trong khi đó năm 2016 lại tăng hơn 6,93% .

2.2. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG CHO VAY HKD TẠI AGRIBANK NGŨ HÀNH SƠN

2.2.1. Bối cảnh môi trường của hoạt động cho vay HKD tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn

- Bối cảnh kinh tế vĩ mô.
- Bối cảnh trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn .

2.2.2. Công tác tổ chức thực hiện quy trình cho vay HKD của NH

Hiện tại, trình tự thủ tục cấp tín dụng đối với các khoản vay tại NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được ban hành theo Quyết định số 66/QĐ-HĐTV-KHDN ngày 22/01/2014 về việc ban hành quy định cho vay đối với KH trong hệ thống NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- * Quy trình cho vay được tiến hành theo 3 bước chính như sau:
 - Nghiên cứu, thẩm định KH vay vốn .
 - Kiểm tra lại hồ sơ vay vốn (Lãnh đạo Phòng Tín dụng) .
 - Xét duyệt cho vay

2.2.3. Phân tích các hoạt động ngân hàng đã thực hiện nhằm đạt các mục tiêu của cho vay Hộ kinh doanh

a. Mục tiêu cho vay Hộ kinh doanh của Chi nhánh

➤ Năm 2014: Chỉ tiêu đề ra tổng dư nợ cho vay là 289 tỷ đồng. Trong đó cho vay HKD là 121 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu là 0,71%.

➤ Năm 2015: Chỉ tiêu đề ra tổng dư nợ cho vay là 351 tỷ đồng. Trong đó cho vay HKD là 146 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu là 0,51%.

➤ Năm 2016: Chỉ tiêu đề ra tổng dư nợ cho vay là 481 tỷ đồng. Trong đó cho vay HKD là 173 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu là 0,56%.

b. Các hoạt động đã triển khai

(i) *Hoạt động phát triển khách hàng, gia tăng dư nợ.*

(ii) *Về các chính sách cạnh tranh nhằm đạt mục tiêu thị phần*

(iii) *Hoạt động kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, giảm thiểu rủi ro trong cho vay Hộ kinh doanh*

(iv) *Cải tiến, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ cho vay HKD*

v) *Triển khai cơ chế khen thưởng khuyến khích hoạt động bán lẻ.*

2.2.4. Phân tích kết quả hoạt động cho vay Hộ kinh doanh tại Agribank Đà Nẵng Chi nhánh Ngũ Hành Sơn

a. Phân tích về quy mô cho vay Hộ kinh doanh.

b. Phân tích về cơ cấu cho vay Hộ kinh doanh

- *Cơ cấu dư nợ cho vay Hộ kinh doanh theo kỳ hạn*

- *Cơ cấu cho vay Hộ kinh doanh theo hình thức đảm bảo*

- *Cơ cấu cho vay Hộ kinh doanh theo ngành nghề*

c. Phân tích về thị phần cho vay Hộ kinh doanh .

d. Phân tích về chất lượng cung ứng dịch vụ cho vay

e. Phân tích về kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay

f. Phân tích về kết quả tài chính cho vay hộ kinh doanh

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH CHO VAY HỘ KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN .

2.3.1. Những mặt thành công

- Tổng dư nợ cho vay HKD năm sau luôn cao hơn năm trước. Điều này làm giảm thiểu việc tìm đến các cơ sở của cho vay nặng lãi, qua đó tăng vốn đầu tư vào nền kinh tế, góp phần thúc đẩy mở rộng kinh doanh trên địa bàn.

- Việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm luôn được Ban lãnh đạo Agribank NHS quán triệt và được thực hiện nghiêm chỉnh tại Chi nhánh.

- Dư nợ bình quân HKD tăng qua hàng năm. KH vay vốn kinh doanh có hiệu quả, quy mô hoạt động kinh doanh của HKD tăng lên, chúng tôi chủ trương vừa tăng trưởng dư nợ vừa lựa chọn KH để đầu tư theo hướng chiều sâu, giảm thiểu chi phí hoạt động cho vay HKD của Agribank NHS đạt kết quả tốt. KH vay vốn kinh doanh có hiệu quả, quy mô hoạt động KD của HKD tăng lên, chi phí hoạt động cho vay của NH có chiều hướng giảm xuống.

- Tỷ trọng của dư nợ ngắn hạn HKD giảm đi. Tuy nhiên, dư nợ ngắn hạn vẫn đảm bảo theo chủ trương của Agribank (chiếm trên 75% tổng dư nợ HKD).

- Các khoản cho vay phân bổ ở nhiều ngành kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cho vay HKD tại Agribank Ngũ Hành Sơn. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa ngành nghề còn giúp cho Chi nhánh hạn chế được rủi ro so với việc chỉ tập trung dư nợ vào một ngành nghề nhất định.

- Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động cho vay HKD so với thu nhập từ hoạt động cho vay tăng trưởng đều qua các năm. Điều đó cho thấy hoạt động cho vay HKD đang ngày càng đóng góp một phần

nguồn quan trọng cho doanh thu của Agribank Ngũ Hành Sơn.

- Tỷ lệ xóa nợ ròng HKD có xu hướng giảm dần qua các năm. Chứng tỏ Agribank NHS rất quan tâm tới việc thu hồi nợ và các biện pháp xử lý nợ xấu của Chi nhánh đã dần dần có hiệu quả .

Ngoài ra cho vay HKD phát triển còn kéo theo các sản phẩm, dịch vụ khác của NH cũng phát triển , qua đó tạo điều kiện để NH bán chéo sản phẩm, giúp khách hàng biết đến các sản phẩm, dịch vụ của NH nhiều hơn.

- Việc kiểm soát RR trong hoạt động cho vay nói chung và cho vay HKD nói riêng luôn được Chi nhánh đưa lên hàng đầu do vậy đem lại hiệu quả, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu dưới mức giới hạn chung 5%, các khoản cho vay có chất lượng . Qua đó góp phần tăng uy tín, tạo cơ sở cho việc phát triển cho vay sau này của Chi nhánh. Có được kết quả đó là nhờ Chi nhánh đã triển khai nhiều biện pháp để hạn chế nợ xấu xảy ra trong đó quá trình CBTD kiểm tra kỹ trước, trong và sau khi cho vay đóng vai trò khá quan trọng.

- Quy trình cho vay nói chung và cho vay hộ kinh doanh nói riêng tại Chi nhánh đã được thực hiện theo đúng quy định . CBTD thường xuyên được tham gia các lớp đào tạo, hướng dẫn về quy trình, quy định cho vay đảm bảo CBTD hiểu rõ về công việc đang làm.

2.3.2. Một số hạn chế cần khắc phục

- Có thể thấy các sản phẩm cho vay HKD còn đơn điệu, chưa có sự khác biệt và đa dạng so với các NHTM khác. Cho vay HKD tại Chi nhánh chủ yếu tập trung vào cho vay vốn ngắn hạn phục vụ SXKD, dịch vụ (từng lần).

- Dư nợ cho vay HKD của Chi nhánh tăng trưởng qua các năm tuy nhiên tốc độ tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng của Chi nhánh, dư nợ cho vay HKD vẫn còn thấp và chiếm một tỷ lệ chưa cao trong tổng dư nợ cho vay.

- Cơ cấu cho vay HKD tại Chi nhánh chưa cân đối.
- Công tác marketing các sản phẩm cho vay hộ kinh doanh chưa thật sự đến từng hộ dân trên địa bàn.
- NH chưa thực sự quan tâm đến phát triển đối tượng cho vay tín chấp .
- Việc thực hiện quy trình đòi lúc chưa đúng quy định ở một số bước .

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Tác động của nền kinh tế vĩ mô trong thời gian qua.
 - Sự cạnh tranh giữa các NHTM ở địa bàn Thành phố Đà Nẵng cụ thể là quận Ngũ Hành Sơn có phần gay gắt hơn.
 - Khách hàng HKD vẫn còn bị hạn chế về trình độ, thiếu kỹ năng, kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất do đó hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.
 - Các ngành nghề XD, công nghiệp chế biến, KD bất động sản... đòi hỏi nguồn vốn lớn, nhân lực dồi dào. Vì thế khó có khả năng phát triển ở mảng cho vay HKD. Các ngành nông, lâm, ngư nghiệp ít có điều kiện phát triển .
 - Cơ chế nghiệp vụ của NH còn tồn tại nhiều thủ tục phức tạp.
 - Khả năng giám sát khoản vay trong và sau khi cho vay của Chi nhánh chưa thật sự hiệu quả, chưa phát hiện ra được những khoản vay có vấn đề để thu hồi nợ trước khi khoản vay chuyển thành nợ xấu.
- Khách hàng chậm ì chậm trễ trong vấn đề trả nợ, có tình chuyển dòng tiền luân chuyển qua hệ thống các NH khác .
- Một nguyên nhân khác khiến cho nợ xấu tăng mạnh vào năm 2014, đặc biệt là sau ngày 01/6/2014 là do các Chi nhánh phải thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày

21/01/2013 của Thống đốc NHNN về quy định về phân loại TS có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng RR và việc sử dụng dự phòng để xử lý RR trong hoạt động của TCTD, chi nhánh NH nước ngoài và Thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18/3/2014 của Thống đốc NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Thống đốc NHNN về quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập DPRR và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG CHO VAY HỘ KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Kết quả từ việc phân tích thực trạng hoạt động cho vay HKD tại chi nhánh

Đây là một trong những căn cứ chủ yếu để luận văn đưa ra các giải pháp hoàn thiện hoạt động cho vay HKD tại Agribank NHS

Qua phân tích tình hình cho vay HDK ở Chương II. Có thể nhận thấy một số hạn chế còn tồn tại cần được đề xuất giải pháp khắc phục bao gồm :

➤ Quy mô vẫn chưa tương xứng với tiềm năng cho vay HKD trên địa bàn.

➤ Hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank NHS vẫn còn quá chú trọng vào tài sản đảm bảo, chưa thừa sự chú trọng và có những

đánh giá, thẩm định kỹ càng về khả năng tạo ra dòng tiền của HKD.

➤ Cơ cấu cho vay vẫn chưa được cải thiện theo định hướng mà Agribank đề ra. Nổi bật cơ cấu cho vay theo ngành nghề, kỳ hạn.

➤ Chất lượng dịch vụ tuy được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều tồn tại: chất lượng tư vấn và hỗ trợ khách hàng vay, cơ sở vật chất, không gian giao dịch còn sơ sài, không tạo được ấn tượng tốt đối với khách hàng....

➤ Các chính sách cạnh tranh nhằm giành thị phần vẫn chưa thực sự nổi bật, còn quá phụ thuộc vào cấp trên, không thực sự hấp dẫn Khách hàng.

3.1.2. Định hướng cho vay HKD của Agribank Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn trong bối cảnh thị trường hiện nay

a. Bối cảnh thị trường

Trên địa bàn Quận Ngũ Hành Sơn hiện nay có 8 Ngân hàng thương mại có trụ sở và hoạt động gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương có trụ sở tại 153 Ngũ Hành Sơn thuộc Phường Mỹ An nơi tập trung đông dân, là Ngân hàng có thương hiệu từ lâu với nhiều sản phẩm dịch vụ đa dạng, chất lượng phục vụ tốt. Ngân hàng TMCP Đầu Tư và phát triển có trụ sở tại 334 Ngũ Hành Sơn, có các sản phẩm cho vay khá đa dạng. Ngân hàng Công Thương chi nhánh Ngũ Hành Sơn có địa điểm tại 49 Ngũ Hành Sơn Thành phố Đà Nẵng, là chi nhánh cấp 1 cũng là Ngân hàng có thương hiệu tốt. Đây là ba Ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước, lãi suất cho vay thấp, sản phẩm cho vay đa dạng, tính lãi giảm dần theo dư nợ vì vậy là những đối thủ cạnh tranh cao với Agribank Chi nhánh Quận Ngũ Hành Sơn. Ngân hàng Đông Á chi nhánh Ngũ Hành Sơn tại 47 Ngũ Hành Sơn là ngân hàng có ưu thế dịch vụ thẻ ATM. Ngân hàng Việt Á, PV Com bank là các ngân hàng mà người dân ít biết đến. Ngoài ra còn có NH

chính sách xã hội thực hiện cho vay đối với các đối tượng là gia đình nghèo với mục đích kinh doanh, tiêu dùng. Như vậy, có thể thấy các đối thủ cạnh tranh và có ưu thế lớn trong cho vay HKD tại địa bàn Quận Ngũ Hành Sơn là các NHTM cổ phần nhà nước.

b. Định hướng cho vay HKD của Agribank ĐN chi nhánh NHS

Định hướng phát triển Agribank Việt Nam giai đoạn 2001-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 161/2001/QĐ-TTg ngày 23/10/2001 với mục tiêu tổng quát: Agribank phải thực sự trở thành lực lượng chủ đạo và chủ lực trong vai trò cấp tín dụng cho phát triển kinh tế hộ sản xuất kinh doanh. Áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, cung cấp các dịch vụ tiện ích, thuận lợi đến mọi loại hình vay vốn.

Phát triển dịch vụ NH nhắm tới đối tượng khách hàng hộ sản xuất kinh doanh, nông dân, nông thôn .

Nâng cao chất lượng tín dụng và mở rộng TD đối với doanh nghiệp tư nhân và hộ SXKD. Phân loại KH, khảo sát để cho vay theo từng đối tượng, ngành nghề thế mạnh, đặc điểm dân cư từng vùng miền. Qua đó có chính sách cho vay và giới hạn mức cho vay một cách hợp lý, an toàn hiệu quả .

Đối với nhóm khách hàng là cá nhân và hộ gia đình: Agribank giữ vững khách hàng hộ SXKD, phát triển KH có thu nhập trung bình trở lên, đây vừa là khách hàng truyền thống, vừa là khách hàng tiềm năng, mở rộng và phát triển mạnh mẽ trong tương lai tới.

Thường xuyên nghiên cứu và bổ sung các quy trình nghiệp vụ theo hướng đơn giản, thuận tiện và giảm thiểu thủ tục giúp cho các hộ sản xuất kinh doanh tiếp cận vốn của Agribank một cách dễ dàng hơn.

Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ Agribank, các nguồn vốn

của Chính phủ, bộ, ngành để hỗ trợ thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Các đơn vị có mức tăng trưởng tín dụng thấp phải tìm mọi biện pháp mở rộng đối tượng khách hàng vay vốn, đầu tư có chọn lọc, hạn chế rủi ro, phát triển bền vững trong điều kiện nguồn thu dịch vụ còn hạn chế.

Tập trung cùng hệ thống Agribank xử lý triệt để nợ xấu. Đối với việc xử lý nợ xấu, Chi nhánh củng cố lại các tổ chức xử lý nợ, tăng cường cán bộ có kinh nghiệm về hỗ trợ cơ sở, kiên quyết xử lý vấn đề nợ xấu, nợ lãi đọng lâu, đẩy nhanh công tác hoàn thiện các hồ sơ bán nợ cho Công ty.

3.2. GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG CHO VAY HKD TẠI AGRIBANK ĐÀ NẴNG CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN

3.2.1. Hoàn thiện ,phát triển ,đa dạng hóa các gói sản phẩm và cơ cấu cho vay phù hợp với nhu cầu ,khả năng của KH cũng như của NH.

- Chi nhánh phải đánh giá đầy đủ về nguồn vốn, tính chất và khả năng khai thác các nguồn.

- Sau khi đã cân nhắc đầy đủ các yếu tố cần thiết, Chi nhánh có thể nghiên cứu triển khai các sản phẩm dịch vụ mới, độc đáo, chuyên biệt theo đề xuất của Hội đồng tư vấn, áp dụng trên địa bàn, từ đó góp phần nâng cao hình ảnh của ngân hàng, thu hút thêm KH và gia tăng lợi nhuận cho NH.

- Bên cạnh việc phát triển những sản phẩm mới, Chi nhánh còn cần phải hoàn thiện các sản phẩm cũ. Các thủ tục cũng cần thông thoáng, tạo điều kiện tối đa cho khách hàng vay vốn tại ngân hàng .

3.2.2. Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ

- Cần tăng cường các tiện ích phục vụ khách hàng như: thanh toán điện tử, chi trả tiền bằng ATM, mở ra các hoạt động thu hộ, chi hộ, các hoạt động môi giới nhà đất, môi giới chứng khoán,...

- Thay đổi cách thức phân phối như mở cửa giao dịch ngoài giờ hành chính, tăng cường giao dịch qua hệ thống phân phối hiện đại...

- Nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị, đồ đạc, không gian, màu sắc... nhằm tạo không khí thân thiện .

3.2.3. Tăng cường khai thác khách hàng truyền thống cũng như tiềm năng

Ngân hàng cần tạo được niềm tin cho khách hàng bằng việc thực hiện các biện pháp để duy trì mối quan hệ với KH..

Một năm một lần hoặc nhiều hơn, Chi nhánh tổ chức hội nghị khách hàng HKD đối với các khách hàng truyền thống và tiềm năng.

Bên cạnh những mặt đã đạt được thì cũng thấy được những hạn chế trong cho vay HKD để có giải pháp triển khai trong thời gian đến. Qua hội nghị này cũng là một hình thức tuyên truyền quảng cáo đến tất cả các KH .

Ứng dụng sự phát triển của CNTT vào việc chăm sóc khách hàng như chúc mừng sinh nhật, chúc Tết ...khách hàng bằng tin nhắn điện thoại.

Ngoài ra, đối với các khách hàng HKD có đăng ký kinh doanh, Chi nhánh có thể liên hệ với Tổ một cửa của Ủy ban nhân dân Quận để xin thông tin về các HKD này, từ đó có thể tiếp cận để cho vay và cung cấp các sản phẩm dịch vụ khác.

3.2.4. Mở rộng cho vay không có TS bảo đảm và cho vay có

TS hình thành từ tương lai đối với các HKD

Việc mở rộng cho vay không có bảo đảm bằng TS một phần hoặc toàn bộ, cho vay có bảo đảm bằng TS hình thành từ tương lai sẽ làm tăng thêm số lượng KH từ đó tăng thêm nguồn thu nhập cho NH và giải quyết được khó khăn lớn nhất về vốn và tài sản thế chấp của HKD.

Tuy nhiên, việc mở rộng cho vay không có bảo đảm bằng TS, cho vay có bảo đảm bằng TS hình thành từ tương lai phải nằm trong cơ cấu dư nợ hợp lý và không áp dụng đối với mọi HKD vay vốn mà phải lựa chọn các hộ truyền thống, có mức tín nhiệm cao, ngoài các đối tượng theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2010 thì phải đáp ứng theo Quyết định 35/QĐ-HĐTV-NHNo ngày 15/01/2014 và Quyết định 32/QĐ-HĐTV-KHDN ngày 15/01/2014 .

3.2.5. Áp dụng chính sách lãi suất cho vay một cách linh hoạt

Khách hàng - Hộ kinh doanh thường quan tâm nhiều đến lãi suất cho vay bởi nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của họ. Do vậy, Chi nhánh cần áp dụng linh hoạt LS cho vay dựa trên LS mà NH cấp trên đưa ra nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của Chi nhánh cũng như lợi ích của KH. Đối với các KH có tình hình KD tốt, quan hệ thân thiết, dư nợ lớn nên áp dụng các mức LS thấp hơn hay ưu đãi. Với các dự án ngắn hạn, cần đa dạng hóa LS phù hợp với chu kỳ KD của khách hàng.

3.2.6. Tăng cường công tác quản lý rủi ro đối với cho vay HKD

Trong quá trình cho vay HKD thì việc thu thập thông tin về KH đóng vai trò rất quan trọng: Thông tin từ phỏng vấn trực tiếp KH, thông tin từ bên ngoài như hàng xóm, khách hàng của người vay, thông tin từ CIC. Do vậy khi thu thập thông tin KH một cách chính

xác và đầy đủ thì TĐ cho vay được chặt chẽ và hiệu quả hơn nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro xảy ra đối với NH .

Công tác kiểm soát RR phải được tiến hành trước, trong và sau khi vay vốn cho đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định TD, tăng cường hoạt động giám sát sau khi giải ngân, áp dụng hình thức giải ngân bằng chuyển khoản để hạn chế việc sử dụng vốn sai mục đích và đảm bảo đúng theo Thông tư 09/2012/TT-NHNN ngày 10/04/2012 của NHNN Việt Nam quy định về việc sử dụng các phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay của TCTD, Chi nhánh NH nước ngoài đối với KH. Thường xuyên đánh giá lại TS đảm bảo để có hướng điều chỉnh rút bớt dư nợ hoặc yêu cầu KH bổ sung thêm các TS bảo đảm khác khi giá trị tài sản bị giảm nhiều nhằm đảm bảo an toàn tín dụng cho NH.

Đồng thời, nâng cao chất lượng của bộ phận kiểm tra, kiểm soát, hậu kiểm bằng cách tăng cường công tác đào tạo để nâng cao trình độ .

3.2.7. Một số biện pháp hỗ trợ

- *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.*
- *Khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ tin học mới vào hoạt động tín dụng đối với HKD.*
- *Công tác marketing .*

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Chính phủ và các bộ ngành có liên quan

3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

3.3.3. Đối với Agribank

KẾT LUẬN

Có thể nói Agribank cũng như các NHTM khác tại Việt Nam đang đứng trước thách thức về cạnh tranh và gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn hiện nay: tăng trưởng tín dụng đạt không cao, môi trường cạnh tranh gay gắt, khả năng thu hồi nợ khó... Trong bối cảnh đó, hoạt động cho vay HKD, được xem như chiến lược ưu tiên phát triển, trong bối cảnh cho vay doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Việc thực hiện tốt cho vay HKD sẽ góp phần thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu tìm ra giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cho vay HKD tại Agribank Đà Nẵng chi nhánh Ngũ Hành Sơn, góp phần mở rộng được thị trường, tăng thị phần, hạn chế được rủi ro và tăng năng lực tài chính tạo nền tảng vững chắc cho Chi nhánh, nâng cao khả năng cạnh tranh trong tương lai.

Khoa Quản lý chuyên ngành đã kiểm tra & xác nhận Tóm tắt LV được trình bày theo đúng quy định về hình thức & đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng



PGS. TS. Lâm Chí Dũng